



ĐƠN MỞ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN / TIỀN GỬI TIẾT KIỆM
TIME DEPOSIT ACCOUNT / SAVINGS DEPOSIT PLACEMENT FORM

Xin điền vào ô trống và đánh dấu nơi thích hợp
 Please fill in spaces and tick where applicable

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG / CUSTOMER INFORMATION

Tên Chủ Tài Khoản / Account Holder Name _____

Mã số Khách hàng / Customer Number _____

Số Thẻ Căn cước Công dân, CMND, Hộ Chiếu / Citizen Card, ID or Passport No _____

Khách hàng Premier / Premier

Có / Yes Không / No

CHI TIẾT TIỀN GỬI / DEPOSIT PLACEMENT DETAILS

Loại Tiền Gửi / Deposit Type _____

Tài Khoản Tiền Gửi Có Kỳ Hạn
 Time Deposit Account

Tiền Gửi Tiết Kiệm
 Savings Deposit

Loại Tiền Tệ / Currency: _____

VND USD EUR GBP AUD CAD JPY HKD SGD

Số Tiền Gửi / Deposit Amount _____

Số Tiền Gửi Bằng Chữ / Deposit Amount in words _____

Kỳ hạn / Tenor

- | | | | |
|--|--|---|--|
| <input type="checkbox"/> 1 tuần / week | <input type="checkbox"/> 2 tuần / weeks | <input type="checkbox"/> 3 tuần / weeks | <input type="checkbox"/> 1 tháng / month |
| <input type="checkbox"/> 2 tháng / months | <input type="checkbox"/> 3 tháng / months | <input type="checkbox"/> 4 tháng / months | <input type="checkbox"/> 5 tháng / months |
| <input type="checkbox"/> 6 tháng / months | <input type="checkbox"/> 7 tháng / months | <input type="checkbox"/> 8 tháng / months | <input type="checkbox"/> 9 tháng / months |
| <input type="checkbox"/> 10 tháng / months | <input type="checkbox"/> 11 tháng / months | <input type="checkbox"/> 12 tháng / months | <input type="checkbox"/> 18 tháng / months |
| <input type="checkbox"/> 24 tháng / months | <input type="checkbox"/> 36 tháng / months | <input type="checkbox"/> Khác / other _____ | |

*Lưu ý / Note: Tiền gửi bằng ngoại tệ chỉ áp dụng cho kỳ hạn 1-2 tuần, 1-3 tháng, 6 tháng, 9 tháng hoặc 12 tháng
 Foreign currency deposit is available for tenors of 1-2 weeks, 1-3 months, 6 months, 9 months, or 12 months

Mục Đích Gửi Tiền / Purpose _____

Tiết kiệm / Savings Thẻ tín dụng ký quỹ / Secured Credit Card

Nguồn Gốc Tiền Nộp / Source of Funds _____

Phương Thức Gửi / Placement Method:

- Tiền mặt / Cash
- Ghi nợ tài khoản (áp dụng cho Tài Khoản Tiền Gửi Có Kỳ Hạn) / debit account (for Time Deposit Account only)

Tên tài khoản _____

và số tài khoản _____

Account Holder Name

and account no.

Thanh Toán Lãi / Interest Payment:

- Cuối Kỳ / At Maturity
- Hàng Tháng (áp dụng cho Tài Khoản Tiền Gửi Có Kỳ Hạn) / Monthly (for Time Deposit Account only)

Ghi có Tài khoản tên _____

và số tài khoản _____

Credit account name

and account no.

Chỉ Thị Đảo Hạn / Maturity Instructions:

- Tái gửi tiền gốc và lãi cho kỳ hạn mới với lãi suất tại thời điểm đáo hạn (cho phương thức thanh toán lãi cuối kỳ)
 Renew principal and interest on maturity date at the prevailing interest rates (applicable for interest payment at maturity)

Kỳ hạn / Tenor

- | | | | |
|--|--|---|--|
| <input type="checkbox"/> 1 tuần / week | <input type="checkbox"/> 2 tuần / weeks | <input type="checkbox"/> 3 tuần / weeks | <input type="checkbox"/> 1 tháng / month |
| <input type="checkbox"/> 2 tháng / months | <input type="checkbox"/> 3 tháng / months | <input type="checkbox"/> 4 tháng / months | <input type="checkbox"/> 5 tháng / months |
| <input type="checkbox"/> 6 tháng / months | <input type="checkbox"/> 7 tháng / months | <input type="checkbox"/> 8 tháng / months | <input type="checkbox"/> 9 tháng / months |
| <input type="checkbox"/> 10 tháng / months | <input type="checkbox"/> 11 tháng / months | <input type="checkbox"/> 12 tháng / months | <input type="checkbox"/> 18 tháng / months |
| <input type="checkbox"/> 24 tháng / months | <input type="checkbox"/> 36 tháng / months | <input type="checkbox"/> Khác / other _____ | |

- Tái gửi tiền gốc cho kỳ hạn mới với lãi suất tại thời điểm đáo hạn và nhận lãi cuối kỳ

Renew principal at the prevailing interest rate and receive interest at maturity

Kỳ hạn / Tenor

- | | | | |
|--|--|---|--|
| <input type="checkbox"/> 1 tuần / week | <input type="checkbox"/> 2 tuần / weeks | <input type="checkbox"/> 3 tuần / weeks | <input type="checkbox"/> 1 tháng / month |
| <input type="checkbox"/> 2 tháng / months | <input type="checkbox"/> 3 tháng / months | <input type="checkbox"/> 4 tháng / months | <input type="checkbox"/> 5 tháng / months |
| <input type="checkbox"/> 6 tháng / months | <input type="checkbox"/> 7 tháng / months | <input type="checkbox"/> 8 tháng / months | <input type="checkbox"/> 9 tháng / months |
| <input type="checkbox"/> 10 tháng / months | <input type="checkbox"/> 11 tháng / months | <input type="checkbox"/> 12 tháng / months | <input type="checkbox"/> 18 tháng / months |
| <input type="checkbox"/> 24 tháng / months | <input type="checkbox"/> 36 tháng / months | <input type="checkbox"/> Khác / other _____ | |

Ghi Có Tiền Lãi vào Tài Khoản / Credit the interest into Account

Tên tài khoản _____

và số tài khoản _____

Account Holder Name

and account no.

- Nhận gốc và lãi vào ngày đáo hạn

Receive principal and interest on maturity date

Ghi Có Tài Khoản (áp dụng cho Tài Khoản Tiền Gửi Có Kỳ Hạn) / Credit account (for Time Deposit Account only)

Tên tài khoản _____

và số tài khoản _____

Account Holder Name

and account no.

PHƯƠNG THỨC ĐIỀU HÀNH DÀNH CHO TIỀN GỬI CHUNG / ACCOUNT OPERATION METHOD FOR JOINT ACCOUNT

Phương thức điều hành tài khoản chung được chọn dưới đây sẽ áp dụng cho Tài Khoản Tiền Gửi Có Kỳ Hạn hoặc Tiền Gửi Tiết Kiệm được mở theo đơn này.

The account operation method selected below shall be applied to the Time Deposit Account or Savings Deposit opened under this form.

“Bất kỳ chữ ký nào” / “Either to sign”

Cho yêu cầu này, chúng tôi đồng ý rằng chữ ký của bất kỳ một ai trong chúng tôi về hoặc liên quan đến bất kỳ một vấn đề gì đối với tài khoản chung sẽ ràng buộc các đồng chủ tài khoản khác và đồng ý ủy quyền cho mỗi đồng chủ tài khoản khác được toàn quyền điều hành tài khoản chung, bao gồm thực hiện các giao dịch bằng cách đưa ra chỉ thị giao dịch cho ngân hàng, đóng tài khoản và đưa ra bất kỳ các chỉ thị điều hành tài khoản nào khác mà không cần chúng tôi cùng ký. Chúng tôi xác nhận đã đọc và hiểu rõ các quy định liên quan đến tài khoản chung tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Chung của Ngân Hàng và đồng ý tuân thủ các điều kiện và điều khoản này.

For this request, we, the undersigned, hereby agree that the signature of any one of us on or in relation to any matter regarding the joint account will bind the other joint account holders and that each joint account holder is hereby authorised to have full powers to operate the joint account, including to conduct any transaction by way of instruction to the Bank, to close the joint account holder and to give any other instructions to operate the joint account without requiring our joint signatures. We have read and understood the provisions relevant to joint account in the General Terms and Conditions of the Bank and agree to be bound by them.

“Cả hai chữ ký” / “Both to sign”

Cho yêu cầu này, chúng tôi đồng ý rằng bất kỳ một vấn đề gì đối với tài khoản chung sẽ yêu cầu sự đồng ý của các đồng chủ tài khoản bằng cách đưa ra chỉ thị hợp lệ. Chúng tôi xác nhận đã đọc và hiểu rõ các quy định liên quan đến tài khoản chung tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Chung của Ngân Hàng và đồng ý tuân thủ các điều kiện và điều khoản này.

For this request, we, the undersigned, hereby agree that any matter regarding the joint account is required all of our agreement by way of instruction to the Bank. We have read and understood the provisions relevant to joint account in the General Terms and Conditions of the Bank and agree to be bound by them.

XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG / CUSTOMER CONFIRMATIONS

Tôi / Chúng tôi xác nhận ở đây rằng các chi tiết thông tin nêu trên là đúng sự thật và chính xác. Tôi / Chúng tôi đã đọc và hiểu Các Điều Khoản Và Điều Kiện Chung và Các Điều Khoản Và Điều Kiện Tài Khoản Tiền Gửi Có Kỳ Hạn / Tiền Gửi Tiết Kiệm của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam). Tôi / Chúng tôi hiểu rằng các Điều Khoản và Điều Kiện này (có thể được sửa đổi theo từng thời điểm) sẽ điều chỉnh quan quan hệ nêu trên của tôi / chúng tôi với Ngân Hàng và đồng ý tuân thủ các Điều Khoản và Điều Kiện đó.

I / We hereby confirm that the details given above are true and correct. I / We have read and understood General Terms And Conditions and Time Deposit Account / Savings Deposit Terms and Conditions issued by HSBC Bank (Vietnam) Ltd. I / We understand that the Terms and Conditions on these documents (as they may be amended from time to time) will govern my / our above relationship and agree to comply with them.

S.V

Chữ Ký Khách Hàng / Signature

Ngày / Date

Dành Riêng Cho Ngân Hàng / For Bank Use Only

Customer Number	Deal Number (for Transitory Account)	Date Checked and Approved/Verified by
Interest Rate	Date and Time Receiving	Bank/Branch Stamp and Authorised Signature

ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÀI KHOẢN TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN VÀ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TIẾT KIỆM
TERMS AND CONDITIONS OF TIME DEPOSIT ACCOUNT AND SAVINGS DEPOSIT ACCOUNT

- Khách Hàng có thể thực hiện giao dịch đối với Tài Khoản Tiền gửi Có Kỳ Hạn và Tài Khoản Tiền Gửi Tiết Kiệm trong toàn hệ thống của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) (“HSBC” or “Ngân Hàng”).**
The Customer can perform transactions in respect of the Time Deposit Account and Savings Deposit Account within the network of HSBC Bank (Vietnam) Ltd. (“HSBC” or “The Bank”).
- Khách Hàng phải xuất trình Thông Báo Tài Khoản Tiền Gửi Có Kỳ Hạn hoặc Thẻ Tiết Kiệm, Thẻ căn cước công dân hoặc CMND hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực, thị thực còn hiệu lực, hoặc các giấy tờ hợp lệ khác được Ngân Hàng chấp nhận và ký đúng mẫu chữ ký đã đăng ký với Ngân Hàng khi thực hiện các giao dịch liên quan đến Tài Khoản Tiền Gửi Có Kỳ Hạn hoặc Tài Khoản Tiền Gửi Tiết Kiệm, bao gồm nhưng không giới hạn việc rút tiền hoặc thay đổi chi thị tiền gửi.**
The Customer must present the Time Deposit Advice or Savings Card, valid Citizen Card or ID or passport, valid visa, or other documents accepted by the Bank and must use the same signature as registered with the Bank when performing transactions relating to the Time Deposit Account or Savings Deposit Account, including but not limited to withdrawal or update of deposit instructions.
- Lãi tiền gửi / Deposit Interest:**
 - Yếu tố tính lãi / Components for Interest Calculation**
 - Thời hạn tính lãi / Interest Period:** kể từ và bao gồm ngày Khách hàng gửi tiền và không bao gồm ngày đáo hạn./ *from and including the deposit placement date and not including maturity date.*
 - Số dư thực tế / Actual Balance:** số tiền gốc được duy trì trong suốt thời hạn tính lãi của khoản tiền gửi / *principal amount to be maintained during the Interest Period*
 - Số ngày duy trì số dư thực tế / No. of days has actual balance:** số ngày mà số dư thực tế không đổi / *no. of days has unchanged actual balance*
 - Lãi suất tính lãi / Interest rate:**
Lãi suất hằng năm trên cơ sở một năm có 365 ngày do Ngân hàng quy định tại từng thời điểm định trong suốt kỳ hạn của khoản tiền gửi. Tổng lãi suất tiền gửi (bao gồm các lãi suất ưu đãi) sẽ tuân theo các quy định của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam tại từng thời điểm. Khách hàng có thể liên hệ quầy giao dịch tại các chi nhánh và phòng giao dịch hoặc truy cập trang thông tin điện tử của Ngân hàng www.hsbc.com.vn để biết về lãi suất.
Interest rate per annual on the basis of one (1) year having 365 days stipulated by the Bank from time to time and is fixed during deposit's tenor. The total offered interest rates (including preferential online rates, where applicable), shall be, at all time, in line with relevant regulations provided by the State Bank of Vietnam. Customer may contact the counter of the Bank's branches and transaction office or on the Bank's public website www.hsbc.com.vn to know the interest rate.
 - Công thức tính lãi / Interest Calculation**
$$\text{Số tiền lãi} = \frac{\sum(\text{Số dư thực tế} \times \text{Số ngày duy trì thực tế} \times \text{Lãi suất tính lãi})}{365}$$

$$\text{Interest Amount} = \frac{\sum(\text{Actual Balance} \times \text{No. of days has actual balance} \times \text{Interest Rate})}{365}$$

Lãi suất tính lãi cụ thể theo phương pháp tính lãi quy định tại bản Điều Khoản và Điều Khoản này sẽ bằng với lãi suất tính lãi được tính theo phương pháp tính lãi theo quy định pháp luật hiện hành.
The interest rate provided by these Terms and Conditions shall be equal to the interest rate calculated in accordance with the method prescribed by the regulation.
 - Thanh toán lãi / Interest Payment**
Đối với Tiền Gửi Tiết Kiệm, tiền lãi sẽ được thanh toán vào ngày đáo hạn. Đối với Tiền Gửi Có Kỳ Hạn, tiền lãi sẽ được thanh toán hàng tháng hoặc vào ngày đáo hạn. Trong trường hợp ngày đáo hạn trùng với ngày cuối tuần hoặc ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật, việc chi trả gốc và lãi được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo.
For Savings Deposit, interest payment shall be made at maturity. For Time Deposit, interest payment shall be made monthly or at maturity. In case the maturity date falls into weekends or national holidays per local regulation, principle and interest payment will be made in the following working date.
- Nếu Khách Hàng không đến rút tiền vào ngày đáo hạn, không có chỉ thị hoặc chỉ thị không rõ ràng, HSBC sẽ tự động tái tục khoản tiền gửi gốc cộng với tiền lãi bằng đúng kỳ hạn đã đăng ký và theo mức lãi suất tương ứng tại thời điểm tái tục.**
If the Customer does not withdraw his deposit at maturity, have no instruction or unclear instruction, HSBC shall automatically renew the deposit plus interest for the same period with prevailing interest rate at the time of renewal.
- Trong trường hợp Khách Hàng đóng Tài Khoản Tiền Gửi Có Kỳ Hạn hoặc Tài Khoản Tiền Gửi Tiết Kiệm trước thời hạn và được Ngân Hàng chấp nhận, Khách Hàng sẽ được hưởng lãi suất không kỳ hạn thấp nhất do Ngân Hàng áp dụng tại thời điểm đóng. Ngoài ra, Ngân Hàng có thể áp dụng phí đóng trước hạn theo quy định của Ngân Hàng tùy theo từng thời điểm.**
In the event of early termination of a Time Deposit Account or Savings Deposit Account and such action is accepted by the Bank, the Customer will receive the lowest demand deposit interest rate as applied by the Bank at the time of termination. Also, the Bank might apply a Breakage Charge for early termination in accordance with the Bank's policy in force from time to time.
- Thông Báo Tiền Gửi Có Kỳ Hạn và Thẻ Tiết Kiệm có thể được cầm cố hoặc bảo lãnh vay vốn tại Ngân Hàng. Thông Báo Tiền Gửi Có Kỳ Hạn và Thẻ Tiết Kiệm không được cầm cố hoặc bảo lãnh vay vốn tại các ngân hàng khác trừ trường hợp được HSBC chấp thuận.**
The Time Deposit Advice and Savings Card can be used as pledge or guarantee for loans at the Bank. The Time Deposit Advice and Savings Card cannot be used as pledge or guarantee for loans at any other banks except it is approved by HSBC.
- Trong trường hợp Khách Hàng muốn chuyển quyền sở hữu của Tiền Gửi Có Kỳ Hạn/Tiền Gửi Tiết Kiệm, Khách Hàng sẽ thực hiện đóng Tài Khoản Tiền Gửi Có Kỳ Hạn/Tài Khoản Tiền Gửi Tiết Kiệm hiện tại và thực hiện chuyển tiền sang Tài Khoản Tiền Gửi Có Kỳ Hạn/Tài Khoản Tiền Gửi Tiết Kiệm mới của người nhận chuyển quyền sở hữu. Việc đóng Tài Khoản Tiền Gửi Có Kỳ Hạn/Tài Khoản Tiền Gửi Tiết Kiệm hiện tại và mở mới Tài Khoản Tiền Gửi Có Kỳ Hạn/Tài Khoản Tiền Gửi Tiết Kiệm đối với người nhận sở hữu được thực hiện theo quy định nội bộ có liên quan của Ngân hàng tại thời điểm đóng và mở, đồng thời tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.**
In case where the Customer has a need to transfer ownership of the deposit, the existing Time Deposit Account/Savings Deposit Account will be closed and the deposit will be transferred by the Customer to the new Time Deposit Account/Savings Deposit Account under the name of the receiver, which will be opened with a new account number. The closure of the existing Time Deposit Account/Savings Deposit Account and the opening of the new Time Deposit Account/Savings Deposit Account under receiver's name must follow the Bank's related policy in force from time to time and in compliance with applicable regulations.
- Trong trường hợp Khách Hàng có sự chuyển đổi giữa hai loại tiền tệ để thực hiện việc gửi tiền, Khách Hàng đồng ý chịu ràng buộc hoàn toàn bởi tỷ giá do Ngân Hàng công bố tại thời điểm chuyển đổi, tuân thủ quy định của pháp luật về ngoại hối.**
In case where the Customer has foreign exchange conversion between two currencies to book the deposit, the Customers agrees to be conclusively bound by the rate of exchange quoted by the Bank at the time of conversion in compliance with applicable regulations of foreign exchange.
- Ngân Hàng có quyền điều chỉnh, mà không cần thông báo trước, về số tiền gửi tối thiểu và kỳ hạn gửi tối thiểu cho mỗi lần gửi tiền.**
The Bank shall have the right from time to time, without prior notice, to set the minimum amount and minimum tenor for all deposits.
- Các Điều Khoản và Điều Khoản này là một phần không thể tách rời của Các Điều Khoản và Điều Khoản Chung của Ngân Hàng.**
These Terms and Conditions will be an integral part of the General Terms and Conditions of HSBC.
- Các Điều Khoản và Điều Khoản này được lập thành bản song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác nhau giữa ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh thì phần tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.**
These Terms and Conditions will be a bilingual document, Vietnamese and English. In case of any discrepancies between Vietnamese and English, the Vietnamese text shall prevail.